

Bản án số: 82/2020/HS-ST

Ngày 18 - 9 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lò Thị Dĩnh

Bà Cao Thị Hồng Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị TH Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2020/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lường Văn T** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1973; Nơi sinh: tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 03/12 phổ thông; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn T1 và bà **Bạc Thị H (Lường Thị H)**; Vợ Nguyễn Thị N - Sinh năm 1978 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/3/2010, bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách 17 tháng 14 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/03/2010), ngày 11/5/2010 bị cáo thi hành xong phần án phí theo quyết định của Bản án. Ngày 22/4/2010, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên ban hành Quyết định thi hành án thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo số 135/2010/QĐ-CA. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án; Ngày 06/4/2009, bị cáo bị Công an huyện Điện Biên xử phạt 500.000 đồng về hành vi đánh bạc (theo quyết định số 31 ngày 06/4/2009), ngày 07/4/2009 bị cáo chấp hành xong quyết định; Ngày 15/6/2017, bị cáo bị Công an huyện Điện Biên xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh nhau (theo quyết định số 05 ngày 15/6/2017) tuy nhiên cơ quan Công an không

tổng đạt quyết định xử phạt cho bị cáo T, nên bị cáo T chưa thi hành quyết định. Vậy theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính thì đến hết ngày 15/6/2018 là hết thời hiệu thi hành quyết định.

Tính đến ngày 10/3/2020 (ngày phạm tội), bị cáo T không có án tích và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng là người có nhân thân xấu.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/03/2020 đến ngày 19/03/2020 thì bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Tòng Văn H** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1982; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 03/12 phổ thông; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tòng Văn P - Sinh năm: 1960 và bà Lò Thị H - Sinh năm 1958; vợ Lò Thị D - Sinh năm: 1970; bị cáo có hai người con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự. (Ngày 12/8/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là 24 tháng. Ngày 14/8/2018 bị cáo thi hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/3/2020 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lường Văn Hùng - Sinh ngày: 28/8/2001; Địa chỉ: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn T:* Bà Trần Thị Sáu - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 13 giờ 50 phút ngày 10/3/2020, Lường Văn T đang nằm ngủ tại nhà của mình thuộc Bản N, xã N, thành phố Đ thì Tòng Văn H đến đứng ngoài cửa nhà gọi “Anh T ơi bán cho em 150.000 đồng Heroine”, T đồng ý ngồi dậy thò tay xuống phía cuối chân giường lấy 02 cục Heroine được gói ngoài bằng nilon màu hồng, xé bỏ lớp nilon rồi dùng dao lam chia cục Heroine có kích thước lớn hơn thành hai phần, xé 02 mảnh giấy bạc màu vàng trong bao thuốc lá Thăng Long gói thành 02 gói. Cục Heroine còn lại T để trên thiếp cưới màu đỏ phía cuối giường mục đích để sử dụng. T mang 02 gói Heroine ra cửa nhà và nhận 150.000 đồng H đưa qua khe cửa đồng thời thả 02 gói Heroine xuống đất cho H. H nhặt hai gói Heroine lên, trên đường mang về nhà để sử dụng thì bị Công an thành phố Đ kiểm tra, H đã thả hai gói ma túy vừa mua được xuống mặt đường, cơ quan công an đã bắt quả tang thu giữ vật chứng của H. Căn cứ vào lời khai của H, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã tiến hành khám xét chỗ ở của Lường Văn T và phát hiện thu giữ trên tấm thiếp cưới, để

trên mặt ga trải giường phía bên phải cuối giường ngủ một cục heroine, bị cáo T khai đó là ma túy của bị cáo cất giấu để bản thân sử dụng.

Bị cáo T khai, nguồn gốc số ma túy mà cơ quan công an thu giữ của H và T là do ngày 08/3/2020, bị cáo T đã mua của một người đàn ông không quen biết tại bản Lọng Luông 1, xã Mường Phăng, thành phố Đ với số tiền 200.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 245/GĐ-PC09 ngày 17/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Mẫu vật gửi giám định của Lường Văn T (ký hiệu M): Mẫu vật ký hiệu M gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,11gam. Mẫu vật gửi giám định của Tòng Văn H (ký hiệu M1, M2). Mẫu vật ký hiệu M1, M2 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng M1: 0,07gam; M2: 0,03gam.

Tại Bản cáo trạng số: 57/CT- VKSTPĐBP ngày 23/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lường Văn T về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 251 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Tòng Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại giai đoạn điều tra: Anh Lường Văn Hùng trình bày: Tôi ngày 09/03/2020, anh Hùng có cho (biếu) bố là bị cáo Lường Văn T số tiền 4.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày. Anh Hùng không yêu cầu bị cáo T phải trả số tiền 4 triệu đồng, số tiền đó anh Hùng đã cho bố.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định:

Hành vi của bị cáo Lường Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lường Văn T từ 24 tháng đến 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, xử phạt bị cáo Lường Văn T từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

Hành vi của bị cáo Tòng Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tòng Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,13g Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 03 mảnh giấy bạc màu vàng; 01 con dao Lam; 02 bơm kim tiêm loại 3ml/cc chưa sử dụng (còn nguyên vỏ gói); 01 ống

NOVOCAIN loại 3% chưa sử dụng; 02 chiếc bật lửa ga đã qua sử dụng màu đỏ nhãn hiệu HOA VIỆT. Tịch thu sung vào vào ngân sách nhà nước 150.000 đồng, là tiền mà bị cáo bán ma túy cho bị cáo Tòng Văn H mà có. Trả lại cho bị cáo Lương Văn T: Một ví giả da màu nâu đã qua sử dụng và 3.794.000 đồng do không liên quan đến việc phạm tội.

Chấp nhận việc trả lại tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra cho bị cáo Lương Văn T.

Về án phí: Đối với bị cáo H, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Đối với bị cáo T, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T trình bày: Nhất trí với lời luận tội của đại diện viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng tuy nhiên do khối lượng ma túy mà bị cáo T mua bán, tàng trữ trái phép thấp đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp nhất khung đối với hai tội danh mà bị cáo T vi phạm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt..

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn Hùng đã được triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, tại giai đoạn điều tra anh Hùng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt anh Hùng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 13 giờ 55 phút, ngày 10/3/2020, tại nhà của bị cáo T ở Bản N, xã N, thành phố Đ, Lương Văn T đã có hành vi bán trái phép 0,1 gam Heroine cho Tòng Văn H thu được 150.000 đồng và có hành vi cất giấu trái phép 0,11 gam Heroine tại nhà T, mục đích để bị cáo sử dụng cho bản thân.

Khoảng 14 giờ 00 phút, tại Bản N, xã N, thành phố Đ, bị cáo Tòng Văn H đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,1 gam Heroine, mục để sử dụng

cho bản thân, nguồn gốc số ma túy H cất giấu là do H vừa mua của bị cáo Lương Văn T với giá 150.000 đồng mà có.

Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 251 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo Lương Văn T, vì mục đích kiếm lợi và để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy (0,1gam Heroine) cho bị cáo H và tàng trữ trái phép chất ma túy (0,11gam Heroine). Đối với bị cáo Tòng Văn H, để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (0,1 gam Heroine). Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm những quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

#### **[5] Về nhân thân của các bị cáo:**

Đối với bị cáo Lương Văn T: Ngày 18/3/2010, bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách 17 tháng 14 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/03/2010), ngày 11/5/2010 bị cáo thi hành xong phần án phí theo quyết định của Bản án. Ngày 22/4/2010, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên ban hành Quyết định thi hành án thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo số 135/2010/QĐ-CA. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án; Ngày 06/4/2009, bị cáo bị Công an huyện Điện Biên xử phạt 500.000 đồng về hành vi đánh bạc (theo quyết định số 31 ngày 06/4/2009), ngày 07/4/2009 bị cáo chấp hành xong quyết định; Ngày 15/6/2017, bị cáo bị Công an huyện Điện Biên xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi đánh nhau (theo quyết định số 05 ngày 15/6/2017) tuy nhiên cơ quan Công an không tổng đạt quyết định xử phạt cho bị cáo T, nên bị cáo T chưa thi hành quyết định. Vậy theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính thì đến hết ngày 15/6/2018 là hết thời hiệu thi hành quyết định. Tính đến ngày 10/3/2020 (ngày phạm tội), bị cáo T không có án tích và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng là người có nhân thân xấu.

Đối với bị cáo Tòng Văn H: Bị cáo có 01 tiền sự, ngày 12/8/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp xử lý hành chính

đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là 24 tháng. Ngày 14/8/2018 bị cáo thi hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bố bị cáo Lương Văn T được nhà nước tặng thưởng huân chương nhì nên bị cáo T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo T còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự; bị cáo H còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của bộ luật hình sự. Tuy nhiên các bị cáo không có tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng:

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố và kết luận: Bị cáo T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 24 tháng đến 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Bị cáo Tòng Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tòng Văn H từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, là có căn cứ, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T mức thấp nhất của khung hình phạt đối với cả hai tội. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo T là người có nhân thân xấu như phân tích ở trên, bị cáo là người nghiện ma túy, thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, bán ma túy cho bị cáo H để kiếm lời, chính vì vậy để răn đe và phòng ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng áp dụng mức khởi điểm của khung hình phạt đối với tội mua bán trái phép chất ma túy đối với bị cáo T là chưa phù hợp.

[9] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[10] Trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị cáo T khai, bị cáo mua ma túy của một người đàn ông nhưng không biết tên, địa chỉ, chính vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trong vụ án.

[11] Về vật chứng vụ án:

Đối với 0,13g Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 03 mảnh giấy bạc màu vàng dùng để gói Heroine; 01 con dao Lam bị cáo T dùng chia heroine; 02 chiếc bật lửa ga đã qua sử dụng màu đỏ nhãn hiệu HOA VIỆT, bị cáo T không sử dụng vào việc phạm tội, nhưng xét không có giá trị sử dụng và bị cáo T đề nghị HĐXX không trả lại; 02 bơm kim tiêm loại 3ml/cc chưa sử dụng (còn nguyên vỏ gói), 01 ống NOVOCAIN loại 3% chưa sử dụng là tài sản của bị cáo H, bị cáo H khai bị cáo mua nhằm mục đích để sử dụng ma túy, xét không có giá trị sử dụng, bị cáo H đề nghị HĐXX không trả lại bị cáo, HĐXX căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy.

Đối với khoản tiền 3.944.000 đồng mà cơ quan công an thu giữ của bị cáo T, trong đó: 150.000 đồng là tiền bị cáo T bán ma túy cho bị cáo H mà có, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước; còn lại số tiền 3.794.000 đồng và 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, Hội đồng xét xử Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Lương Văn T.

*(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/6/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).*

Đối với một biên bản vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông đường bộ số: 000676, quyền số 23 gồm 02 trang (hai liên) của Công an huyện Điện Biên lập ngày 04/01/2019 đối với Lương Văn T. Công an thành phố Đ căn cứ Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại cho bị cáo T là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo T ủy quyền cho Lương Văn Hùng nhận thay.

*(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 04/6/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đ với Lương Văn Hùng).*

[12] Về án phí: Đối với bị cáo H, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H. Đối với bị cáo T, căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lương Văn T, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.



Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo phải chịu 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 10/3/2020).

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Tòng Văn H, phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,13g Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 03 mảnh giấy bạc màu vàng; 01 con dao Lam; 02 bơm kim tiêm loại 3ml/cc chưa sử dụng (còn nguyên vỏ gói); 01 ống NOVOCAIN loại 3% chưa sử dụng; 02 chiếc bật lửa ga đã qua sử dụng màu đỏ nhãn hiệu HOA VIỆT.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 150.000 đồng của bị cáo Lường Văn T.

Trả lại cho bị cáo Lường Văn T: Một ví giả da màu nâu đã qua sử dụng và 3.794.000 đồng do không liên quan đến vụ án.

*(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/6/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).*

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tòng Văn H.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lường Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/9/2020).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.*



***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

**Nguyễn Thị Bằng**











**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





